

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Địa chỉ: 167 Hà Huy Tập, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoại: 0239 3 854 398 - Fax: 0239 3 856 821



**HADIPHAR**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

**CÔNG  
TY CỔ  
PHẦN  
DƯỢC  
HÀ TĨNH**

Digitally signed by CÔNG TY  
CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH  
DN: C=VN, S=TỈNH HÀ  
TĨNH, CN=CÔNG TY CỔ  
PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH,  
OID.0.9.2342.19200300.100,  
1.1=MST:3000104879  
Reason: I am the author of  
this document  
Location: your signing  
location here  
Date: 2025.03.31  
10:27:29+07'00  
Foxit PDF Reader Version:  
11.2.1

**Thành phố Hà Tĩnh, tháng 3 năm 2025**

# I. THÔNG TIN CHUNG

## 1. Thông tin khái quát

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3000104879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 29 tháng 12 năm 2022
- Vốn điều lệ: 99.344.180.000 đồng
- Mã cổ phiếu: HDP
- Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, Tp. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
- Số điện thoại: 0336 167 167
- Website: [www.hadiphar.vn](http://www.hadiphar.vn) - E-mail: [htp@hadiphar.vn](mailto:htp@hadiphar.vn)
- Quá trình hình thành và phát triển:
  - + Tiền thân của CTCP Dược Hà Tĩnh là Đơn vị Quốc doanh Dược phẩm Hà Tĩnh được thành lập ngày 03/08/1960. Với bề dày truyền thống suốt hơn 60 năm, trải qua những chặng đường phát triển của nền kinh tế đất nước, CTCP Dược Hà Tĩnh đã trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất, cung ứng thuốc chữa bệnh, đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước và phát triển ngành dược, trở thành một thương hiệu có uy tín trong nước và quốc tế.
  - + UBND Tỉnh Hà Tĩnh ra Quyết định số 500/QĐ-UBND do Chủ tịch UBND Hà Tĩnh ký ngày 27/10/2004 về việc chuyển Công ty Dược và Thiết bị Y tế Hà Tĩnh thành Công ty cổ phần có vốn điều lệ ban đầu là 5,5 tỷ đồng. Thương hiệu ban đầu là CTCP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tĩnh chính thức đi vào hoạt động từ ngày 29/12/2004. Với chiến lược phát triển đúng đắn, Ban lãnh đạo Công ty xác định đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất thuốc chữa bệnh nên từ những năm 2005 Công ty đã khởi đầu bằng dự án “Xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc viên, thuốc kem mỡ” theo tiêu chuẩn GMP-WHO với công suất thiết kế đạt 600 triệu sản phẩm thuốc viên, 2 triệu sản phẩm thuốc kem mỡ và 5 triệu sản phẩm thuốc ống/năm.
  - + Từ năm 2007 đến năm 2022 Công ty thực hiện 13 đợt tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh trong đó năm 2017, 2018, 2019, 2021, 2022 phát hành cổ phiếu Esop cho cán bộ công nhân viên, thanh toán cổ tức năm 2017, 2018, 2019 bằng cổ phiếu. Đầu tư xây dựng mới Nhà máy sản xuất thuốc Đông dược đạt chuẩn GMP-

WHO công suất 690 triệu viên/năm và Dự án xây dựng nhà kho đạt tiêu chuẩn thực hành tốt bảo quản thuốc GSP tại KCN Bắc Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh. Năm 2018 khởi công xây dựng dự án nhà quản lý chất lượng QA tại Cẩm Vịnh và đưa vào hoạt động từ đầu tháng 7 năm 2019. Năm 2019 xây dựng và đưa vào hoạt động văn phòng làm việc CN Thanh Hóa; Năm 2020 xây dựng và đưa vào hoạt động văn phòng làm việc chi nhánh Nghệ An và chi nhánh Hồ Chí Minh, thành lập chi nhánh tại Đà Nẵng để phục vụ tốt công tác kinh doanh. Năm 2021 mua đất và nhà cho văn phòng chi nhánh Đà Nẵng. Năm 2022 mua đất và nhà thành lập chi nhánh Nha Trang để mở rộng thị trường kinh doanh. Năm 2024 mua đất và nhà cho văn phòng chi nhánh Hà Nội.

- + Năm 2013 Nhà máy sản xuất thuốc đông dược tại KCN Bắc Cẩm Xuyên sản xuất lô thuốc đầu tiên để đưa ra thị trường, đánh dấu bước ngoặt phát triển mới của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (Hadiphar) trong tương lai. Sản phẩm thuốc do Hadiphar sản xuất đã phân phối rộng khắp cả nước từ các bệnh viện tuyến trung ương đến tuyến cơ sở và xuất khẩu.
- + Trong 5 năm lại đây Doanh thu và lợi nhuận luôn luôn tăng trưởng. Công ty có đội ngũ cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật đông đảo có năng lực, kinh nghiệm và luôn tâm huyết làm việc xây dựng công ty ngày càng phát triển. Vị thế, thương hiệu Hadiphar ngày càng khẳng định trên thị trường dược Việt Nam và quốc tế.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

### *a. Ngành nghề kinh doanh*

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: sản xuất, kinh doanh, bán buôn, bán lẻ và xuất nhập khẩu thuốc chữa bệnh. Sản xuất nguyên phụ liệu, sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người.
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Sản xuất rượu vang.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Bán buôn đồ uống.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ và xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người,

Bán lẻ Vắc xin, sinh phẩm y tế.

- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng. Tư vấn thuốc và sức khỏe.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; bán buôn và xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế. Bán buôn vawcxin, sinh phẩm y tế. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước uống tinh khiết, nước giải khát.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, tài sản trên đất.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác: Tư vấn giám sát, thi công các công trình lắp đặt, xây dựng máy móc thiết bị y tế và dược phẩm.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, thi công, lắp đặt các công trình, máy móc, thiết bị y tế và dược phẩm.
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp.
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm bảo vệ sức khỏe.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.

*b. Địa bàn kinh doanh*

- Hadiphar hiện là công ty chủ đạo sản xuất cung ứng thuốc, vật tư y tế trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Có đủ nguồn lực về sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu, là nơi thu hút tất cả các nhà phân phối khi vào địa bàn Hà Tĩnh. Ngoài ra, công ty hiện có hệ thống phân phối rộng khắp toàn quốc bao gồm: Chi nhánh Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Nha Trang, các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên đều có cán bộ thị

trường quản lý và phát triển địa bàn. Sản phẩm thuốc do công ty sản xuất đã phân phối rộng khắp cả nước và xuất khẩu sang các nước Lào, Campuchia, Myanmar...

- Bên cạnh đó, để tận dụng lợi thế kinh tế theo vị trí địa lý, Hadiphar cũng thực hiện việc phân phối thuốc của các công ty dược trong nước, các nhà nhập khẩu đồng thời kinh doanh các thiết bị y tế nhằm gia tăng lợi nhuận tối đa cho Hadiphar.

- Hệ thống chi nhánh của CTCP Dược Hà Tĩnh:

+ Chi nhánh CTCP Dược Hà Tĩnh tại Tp. Hồ Chí Minh

+ Chi nhánh CTCP Dược Hà Tĩnh tại Hà Nội

+ Chi nhánh CTCP Dược Hà Tĩnh tại Thanh Hóa

+ Chi nhánh CTCP Dược Hà Tĩnh tại Nghệ An

+ Chi nhánh CTCP Dược Hà Tĩnh tại Đà Nẵng

+ Chi nhánh CTCP Dược Hà Tĩnh tại Nha Trang

+ Chi nhánh Dược phẩm Huyện Lộc Hà

+ Chi nhánh Dược phẩm Huyện Kỳ Anh

+ Chi nhánh Dược phẩm Huyện Thạch Hà

+ Chi nhánh Dược phẩm Huyện Cẩm Xuyên

+ Chi nhánh Dược phẩm Huyện Can Lộc

+ Chi nhánh Dược phẩm Huyện Nghi Xuân

+ Chi nhánh Dược phẩm Huyện Đức Thọ

+ Chi nhánh Dược phẩm Huyện Hương Sơn

+ Chi nhánh Dược phẩm Huyện Hương Khê

- Nhà máy Sản xuất Thuốc Đông Dược đạt tiêu chuẩn GMP-WHO tại Cẩm Xuyên - Cụm Công nghiệp - Bắc Cẩm Xuyên, Xã Cẩm Vĩnh, Huyện Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

- Nhà máy sản xuất thuốc Tân Dược đạt tiêu chuẩn GMP – WHO tại 167 Hà Huy Tập, Phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh.

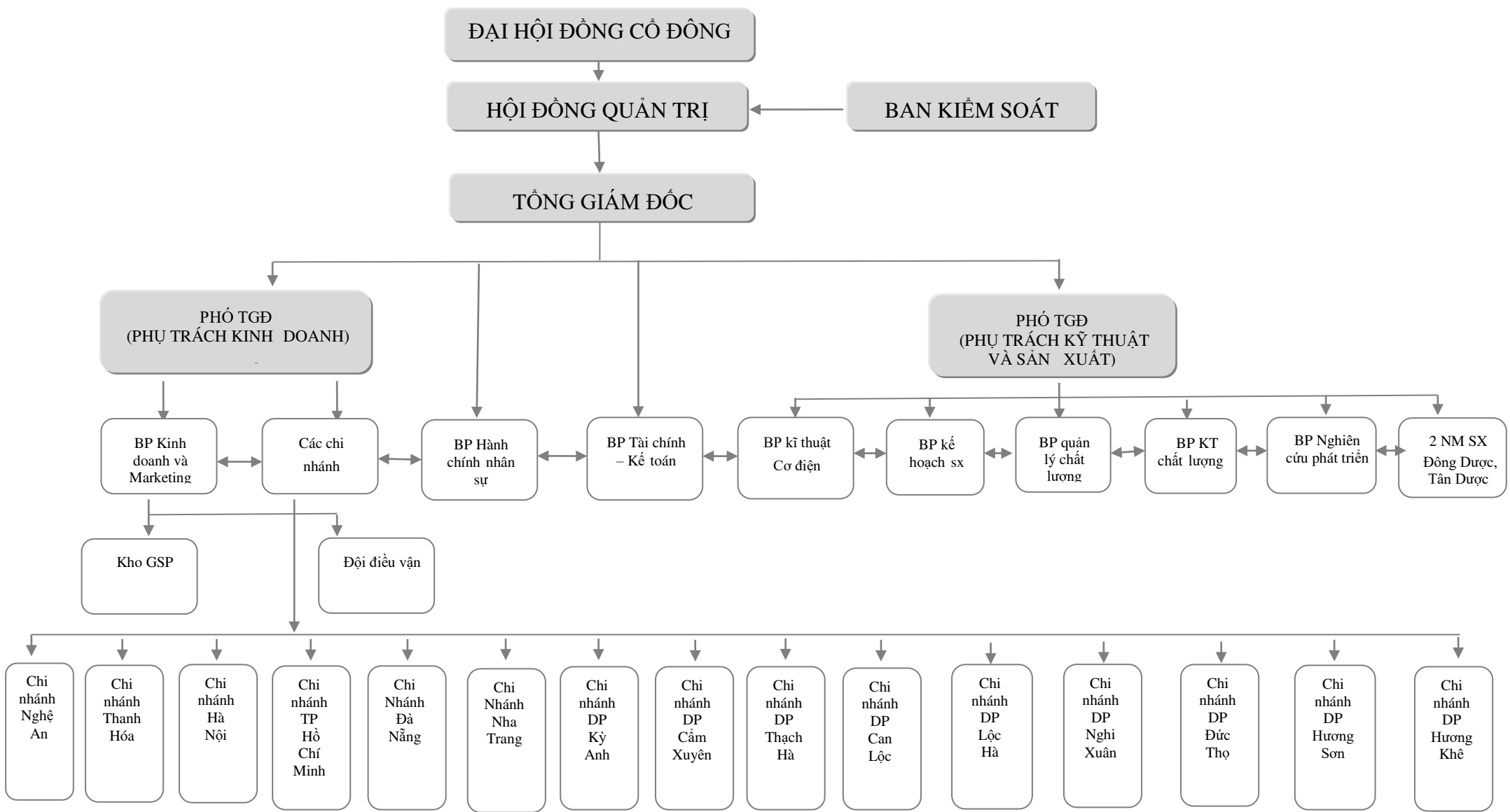
### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

❖ *Mô hình quản trị:*

+ Đại hội đồng cổ đông

+ Hội đồng quản trị

- + Ban kiểm soát
- + Ban Tổng giám đốc
- + Các phòng ban chức năng/ nghiệp vụ chuyên môn
- ❖ *Cơ cấu bộ máy quản lý:* (xem sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý)
- ❖ *Các công ty con, công ty liên kết:* CTCP Dược Hà Tĩnh hiện không có công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty mà CTCP Dược Hà Tĩnh đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc nắm giữ cổ phần chi phối; đồng thời, không có công ty khác đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Dược Hà Tĩnh.



*Nguồn: Hadiphar*

#### **4. Định hướng phát triển**

- *Các mục tiêu chủ yếu của công ty:*

- + Thực hiện chiến lược kinh doanh hiệu quả hướng tới mục tiêu trở thành doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực chăm sóc và bảo vệ sức khỏe con người.
- + Đặt trọng tâm phát triển sản phẩm mới với chất lượng cao qua việc đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm, đầu tư công nghệ mới, hiện đại.
- + Chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất kinh doanh.

- *Chiến lược phát triển trung và dài hạn:*

- + Đầu tư xây dựng thêm các nhà máy sản xuất thuốc đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, GMP-EU, phấn đấu trở thành công ty mạnh về sản xuất dược phẩm trong tương lai.

- *Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:*

- + Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các nhà máy, cơ sở sản xuất của công ty đều áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại với qui trình sản xuất khép kín đạt tiêu chuẩn quốc tế về sản xuất dược phẩm, giảm thiểu tối đa việc tiêu hao nguyên liệu.
- + Nâng cao công tác bảo vệ môi trường, liên tục tìm giải pháp cải thiện môi trường thông qua kết quả báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- + Thực hiện đầy đủ các chính sách xã hội do cơ quan ban ngành phát động, cũng như tích cực chủ động hưởng ứng các chương trình vì lợi ích cộng đồng, vì lợi ích phát triển xã hội.

#### **5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty**

- *Rủi ro về pháp luật:*

Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Dược, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán... và các Văn bản dưới luật. Luật Dược, và các Văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- *Rủi ro cạnh tranh:*

Sự gia nhập ngành của các công ty dược mới làm gia tăng sức ép cạnh tranh trong ngành dược Việt Nam trên thị trường nội địa. Do các hãng dược nước ngoài có lợi thế là tiềm lực tài chính mạnh và công nghệ hiện đại nên việc cạnh tranh về chất lượng, chủng loại và giá cả dược phẩm sẽ trở nên khốc liệt hơn. Điều này đòi hỏi Công ty muốn đứng vững và phát triển trong tương lai phải tập trung tăng tốc đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- *Rủi ro về sản phẩm:*

Rủi ro sản phẩm thường là những tổn thất khi tồn đọng thuốc quá hạn sử dụng hay hư hỏng trong quá trình sản xuất, vận chuyển và tiêu thụ. Các rủi ro này hầu như được công ty hạn chế tối đa vì Hadiphar là doanh nghiệp chuyên sản xuất dược phẩm và phân phối trực tiếp đến tay người tiêu dùng, đồng thời Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát định kỳ các kênh phân phối thuốc. Do đó rủi ro về sản phẩm được hạn chế tối đa, đảm bảo chất lượng sản phẩm luôn đạt chuẩn.

- *Rủi ro hàng giả, hàng nhái:*

Mặt dù Chính phủ luôn có nhiều biện pháp bảo vệ nhãn hiệu hàng hóa sản xuất trong nước nhưng hàng giả, hàng nhái, hàng nhập lậu xuất hiện ngày càng phổ biến và tinh vi trên thị trường. Vấn đề hàng nhái, hàng giả, hàng nhập lậu gây thiệt hại rất lớn tới lợi ích và uy tín của các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp trong ngành dược vì các sản phẩm dược phẩm nhái giả và nhập lậu kém chất lượng đe dọa trực tiếp tới sức khỏe và tính mạng của người sử dụng. Vì vậy Công ty cần phải tự bảo vệ sản phẩm của mình bằng cách nâng cao chất lượng, mẫu mã, bao bì, quan tâm hơn đến thương hiệu và đăng ký bản quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa.

- *Rủi ro về môi trường:*

Các hoạt động phát triển đều tiềm ẩn rủi ro về môi trường ở các mức độ khác nhau. Tùy theo công nghệ sản xuất và năng lực kiểm soát, các rủi ro này có thể xảy ra hoặc không xảy ra trong suốt thời gian hoạt động sản xuất của nhà máy.

Hiện tại Hadiphar đã đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất dược phẩm đạt chuẩn quốc tế như GMP-WHO để hướng đến việc sản xuất và phát triển kinh tế bền vững. Trong đó, một trong những tiêu chí quan trọng là phải bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp cho tương lai. Hadiphar là một trong những đơn vị đi đầu trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, đồng thời đảm bảo gìn giữ môi trường, xây

dựng một Nhà máy xanh cho tương lai nên rủi ro về môi trường được hạn chế tối đa.

- *Rủi ro khác:*

Các rủi ro khác như thiên tai, hạn hán, bão lụt, dịch bệnh, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường cũng như mua bảo hiểm cho các rủi ro để hạn chế những rủi ro này.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

❖ *Công tác kinh doanh*

- Tổng doanh số mua vào: 265,8 tỷ đồng

*Trong đó:*

+ Mua hàng hoá kinh doanh: 79,3 tỷ đồng

+ Mua nguyên phụ liệu sản xuất: 186,5 tỷ đồng

- Doanh số bán ra: 421 tỷ đồng trên kế hoạch 480 tỷ đạt 88% kế hoạch, tương đương so với năm 2023.

- Doanh số hàng sản xuất: 340 tỷ đồng trên kế hoạch 400 tỷ, đạt 85% so với kế hoạch, giữ nguyên so với năm 2023.

❖ *Công tác sản xuất*

- Sản lượng sản xuất đạt: 243 tỷ đồng, đạt 97% so với kế hoạch là 250 tỷ đồng; giảm 11% so với năm 2023 là 254 tỷ đồng.

❖ *Tình hình thực hiện so với kế hoạch*

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ thực hiện(%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ	480	421	88
2	Doanh thu hàng Hadiphar SX	Tỷ	400	340	85
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	18,8	19,9	106
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	15	15,8	105
5	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu	10	10	100

## 2. Tổ chức và nhân sự

### a. Danh sách Thành viên Ban Tổng Giám đốc

Stt	Họ và tên	Chức danh	SL CPSH	Tỷ lệ %	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Ban Tổng Giám Đốc</b>				
1	Ông Lê Quốc Khánh	Tổng Giám đốc	1.570.194	15,8%	
2	Ông Võ Đức Nhân	Phó Tổng Giám đốc	645.560	6,5%	
3	Ông Phạm Vũ Kỳ	Phó Tổng Giám đốc	38.801	0,39%	
<b>B</b>	<b>Kế toán trưởng</b>				
1	Bà Phan Thị Tình	Quyền kế toán trưởng	116.706	1,2%	
<b>C</b>	<b>Cán bộ quản lý do HĐQT phê duyệt</b>		-	-	
	Không		-	-	

### b. Lý lịch tóm tắt các thành viên Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Ông LÊ QUỐC KHÁNH

- Sinh năm 1976. Nơi sinh: Hà Tĩnh
- CMND số: 042076022315 - Ngày cấp: 28/06/2021 - Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
- Địa chỉ thường trú: Phường Trần Phú - TP Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Dược sỹ Đại học
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Cử nhân Anh văn
- Lý luận: Cao cấp chính trị

#### 2. Ông VÕ ĐỨC NHÂN

- Sinh năm: 1976. Nơi sinh: Quảng Bình
- CMND số: 044076005954 - Ngày cấp: 28/06/2021 - Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
- Địa chỉ thường trú: Tổ 1 – Phường Bắc Hà – Thành Phố Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Dược sỹ chuyên khoa I

### 3. Ông PHẠM VŨ KỲ

- Năm sinh: 1972. Nơi sinh: Hà Tĩnh
- CMND số: 042072014241 - Ngày cấp: 09/05/2021 - Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH
- Địa chỉ thường trú: TDP Hưng Lợi, P.Sông Trí, TX Kỳ Anh, Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Dược sỹ chuyên khoa I.
- Lý luận: Cao cấp chính trị

**c. Những thay đổi trong ban điều hành:** Không có

#### **d. Cán bộ, nhân viên công ty**

Tổng số CBCNV đến 31/12/2024 là: 580 người

Trình độ chuyên môn:

- + Đại học và trên Đại học 157 người (1 Thạc sỹ Dược, 2 Thạc sỹ QTKD, 6 DSCK1 và DSCK2 và 148 Đại học).
- + Cao đẳng, trung cấp: 378 người
- + Còn lại là sơ cấp, công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông

#### **e. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:**

- + *Chính sách tiền lương:* Áp dụng thang bảng lương của nhà nước, đồng thời xây dựng thang lương kinh doanh theo kết quả hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị cá nhân. Mức lương bình quân cho khối sản xuất và văn phòng là 10 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức lương trung bình cao của công ty so với doanh nghiệp cùng ngành trong địa phương.
- + *Chính sách tiền thưởng:* Quỹ tiền thưởng được xây dựng trên hiệu quả kinh doanh của Công ty. Việc thưởng cho người lao động của công ty được xây dựng thành hệ số thưởng, kết hợp giữa hình thức thưởng tập thể và thưởng cá nhân, thưởng định kỳ cuối năm và thưởng đột xuất căn cứ trên việc đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị, cá nhân và toàn công ty. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng, khen thưởng đột xuất cho CBCNV có thành tích trong lao động sản xuất, kinh doanh. Khen thưởng định kỳ quý, 6 tháng, 1 năm.
- + *Chính sách trợ cấp:* Áp dụng hình thức trợ cấp thôi việc, hưu trí theo quy định của pháp luật về lao động.

+ *Chính sách nghỉ phép*: các ngày nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ ốm, nghỉ thai sản... của người lao động được công ty áp dụng và tuân thủ theo Luật Lao động và giải quyết đầy đủ, kịp thời đúng quy trình, quy định của Luật Bảo hiểm Xã hội.

+ *Chính sách khác*: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV khối Văn phòng, Xưởng sản xuất, Chi nhánh DP Thành phố và các chi nhánh trong toàn công ty.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

#### a. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2024 xây sửa chữa chi nhánh Nghi Xuân, Hương Sơn, nhà xe tại 167 Hà Huy Tập, đặc biệt mua nhà ở và văn phòng làm việc chi nhánh Hà Nội với tổng đầu tư 35 tỷ đồng. Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất : Đầu tư dây chuyền thuốc nhỏ mắt, mũi tai và các máy móc thiết bị như: máy tạo hạt khô, đóng tuyp, bồn pha chế, máy đếm tiểu phân...

**b. Các công ty con, công ty liên kết:** Không có.

### 4. Tình hình tài chính

#### a. Tình hình tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng/giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản	265.620.999.229	305.357.536.924	15
2	Vốn chủ sở hữu	126.273.372.877	130.147.065.289	3
3	Doanh thu thuần	416.217.077.847	409.291.882.184	(2)
4	Lợi nhuận từ HĐKD	15.736.176.147	19.928.497.623	27
5	Lợi nhuận khác	(107,768,817)	(66,001,641)	
6	Lợi nhuận trước thuế	15.628.407.330	19.862.495.982	27
7	Lợi nhuận sau thuế	12.428.080.333	15.794.994.012	27

#### b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023
1	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,98	1,13
	Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,46	0,61
2	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,57	0,52
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,35	1,1
3	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	4,11	4,27
	Vòng quay tổng tài sản: (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	1,43	1,51
4	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	3,9	3,0
	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu BQ	%	12,3	9,6
	Hệ số LNST/Tổng tài sản BQ	%	5,5	4,5
	Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/DTT	%	4,9	3,8

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### a. Cổ phần:

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 9.934.418 cổ phần
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 9.934.418 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng trong 1 năm theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phần

### b. Cơ cấu cổ đông CTCP Dược Hà Tĩnh theo danh sách chốt tại ngày 11/03/2025 (Danh sách do VSDC cung cấp)

Stt	Họ và tên	SL cổ đông	SLCP	Tỷ lệ % sở hữu
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>467</b>	<b>9.919.912</b>	<b>99,86%</b>
	Tổ chức	05	452.550	4,56%

Stt	Họ và tên	SL cổ đông	SLCP	Tỷ lệ % sở hữu
	Cá nhân	462	9.467.362	95,30%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>03</b>	<b>14.506</b>	<b>0,14%</b>
	Tổ chức	01	13.176	0,13%
	Cá nhân	02	1.330	0,01%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>470</b>	<b>9.934.418</b>	<b>100%</b>

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm công ty không có sự thay đổi vốn chủ sở hữu nào. Tổng số lượng cổ phần lưu hành tại ngày 31/12/2024 là: 9.934.418 cổ phần tương ứng vốn điều lệ: 99.344.180.000 đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác:

- Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm: Không có
- Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **❖ Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

- + Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: khoảng 4.100 tấn/năm.
- + Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

### **❖ Tiêu thụ năng lượng**

- + Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Điện năng tiêu thụ 2.400.000kw/năm
- + Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

### **❖ Tiêu thụ nước:** Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm

- + Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty cấp nước Hà Tĩnh cung cấp nguồn nước, hàng năm tiêu thụ khoảng 87.000 m<sup>3</sup>/năm.

+ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

❖ **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

+ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

+ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

❖ **Chính sách liên quan đến người lao động**

**a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động**

tt	Tiêu chí phân loại		Số người
1	Phân theo giới tính	Nam	185
2		Nữ	395
	<b>Tổng cộng</b>		<b>580</b>
1	Phân theo trình độ	Đại học, sau đại học	157
2		Cao đẳng, trung cấp, trung học chuyên nghiệp	378
3		Lao động phổ thông	45
	<b>Tổng cộng</b>		<b>580</b>

❖ Số lượng lao động hàng năm bình quân khoảng 580 lao động; Mức lương bình quân công ty áp dụng theo thang bảng lương của nhà nước, đồng thời xây dựng thang lương kinh doanh theo kết quả hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị cá nhân.

❖ Mức lương bình quân cho khối sản xuất và văn phòng là 10.000.000 đồng/người /tháng. Đây là mức lương trung bình cao của công ty so với doanh nghiệp cùng ngành trong địa phương.

**b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động**

- Chính sách tiền thưởng: Quỹ tiền thưởng được xây dựng trên hiệu quả kinh doanh của Công ty. Việc thưởng cho người lao động của công ty được xây dựng thành hệ số thưởng, kết hợp giữa hình thức thưởng tập thể và thưởng cá nhân, thưởng định kỳ cuối năm và thưởng đột xuất căn cứ trên việc đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng đơn

vị, cá nhân và toàn công ty.

- Chính sách trợ cấp: Áp dụng hình thức trợ cấp thôi việc, hưu trí theo quy định của pháp luật về lao động. Trợ cấp đột xuất cho cán bộ công nhân viên do hoàn cảnh ốm đau, thiên tai, lũ lụt...
- Chính sách nghỉ phép, nghỉ lễ tết, nghỉ ốm, nghỉ thai sản... của người lao động được công ty áp dụng và tuân thủ theo Luật Lao động.

### **c. Hoạt động đào tạo người lao động**

- Chính sách đào tạo: Khuyến khích, hỗ trợ thời gian và kinh phí đối với người lao động tự đào tạo, nâng cao trình độ (trung cấp lên đại học; đại học lên cao học), kết hợp với hình thức đào tạo tại công ty thông qua các khoá hoạch nghiệp vụ ngắn hạn ...Ngoài ra, HADIPHAR tạo điều kiện cho các cán bộ nhân viên đi thực tế, khảo sát thị trường tiềm năng, đồng thời thường xuyên cho cán bộ, nhân viên tham gia các triển lãm, hội chợ du lịch trong nước và quốc tế nhằm củng cố, nâng cao kiến thức thực tế.
- Trong năm công ty thường xuyên tổ chức đào tạo theo chuyên đề cho CBCNV trong công ty, bao gồm các khóa đào tạo nội bộ và tham dự các khóa huấn luyện đào tạo bên ngoài với chuyên đề về tiêu chuẩn GMP, ISO, PCCC, ATLĐ, BHXH...
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Người lao động được công ty cử đi học chuyên môn nghiệp vụ nâng cao để đáp ứng nhu cầu công việc. Hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí để người lao động có nhu cầu tự nguyện tham gia các lớp học đào tạo về được như: đào tạo trung cấp được, đào tạo đại học được, đào tạo về trình độ chính trị... để tự nâng cao kiến thức chuyên môn của mình.

❖ ***Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:*** Công ty luôn thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa HĐQT, Đảng ủy, Ban Tổng giám đốc và các tổ chức xã hội phối hợp hoạt động có hiệu quả và thiết thực như tham gia xây dựng nông thôn mới, tài trợ các chương trình xóa đói giảm nghèo, khuyến học, đóng góp các loại quỹ, tham gia các công tác từ thiện...

❖ ***Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:*** Trong năm công ty chưa tham gia vào hoạt động thị trường vốn xanh.

## **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024:**

Năm 2024 là năm nền kinh tế gặp nhiều khó khăn do hậu dịch bệnh và chiến tranh: Kênh bán hàng ETC phân phối trong cơ sở điều trị chiếm doanh thu từ 30-40% của Công ty bị giảm mạnh do bệnh viện bệnh nhân ít. Kênh bán hàng OTC cũng giảm mạnh do kinh tế khó khăn; Khó khăn trong vận chuyển và phân phối thuốc, chi phí tăng cao; Hàng hóa kinh doanh bị thiếu do vận chuyển, nhập khẩu, hàng hóa lên giá, cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt. Bên cạnh những khó khăn đó công ty cũng có rất nhiều thuận lợi: Hệ thống mạng lưới phân phối của Công ty ổn định, nhân sự tốt; Đội ngũ cán bộ khoa học đã sản xuất ra được các sản phẩm chống dịch và sản phẩm mới phù hợp với thị trường; Hàng hóa của công ty khẳng định được thương hiệu và chất lượng trên thị trường và người tiêu dùng; Xuất khẩu hàng hóa; Xây dựng và vận hành hệ thống marketing online và bán hàng online; Xe cộ vận chuyển được trang bị đầy đủ nên việc vận chuyển hàng hóa thuận lợi hơn. Vượt qua được những khó khăn đó Công ty đạt được những kết quả khá tốt: Doanh thu đạt 88% kế hoạch và doanh thu hàng sản xuất đạt 85% kế hoạch. Các chỉ tiêu cơ bản gần đạt được kế hoạch đề ra, nộp thuế đầy đủ, lợi nhuận chi trả cổ tức và các quỹ đầy đủ, chế độ bảo hiểm, quyền lợi người lao động đúng quy định, tham gia đầy đủ các vấn đề an sinh xã hội (quỹ đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo...), nông thôn mới...

## 2. Tình hình tài chính:

### a. Tình hình tài sản CTCP Dược Hà Tĩnh tại ngày 31/12/2024

				<i>Đvt: VNĐ</i>
Stt	Hạng mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG
<b>I</b>	<b>TSCĐHH</b>	<b>243.440.991.156</b>	<b>88.909.426.429</b>	
1	Nhà cửa vật kiến trúc	115.369.204.698	50.137.924.103	43,5
2	Máy móc thiết bị	112.381.373.728	34.366.927.008	30,6
3	Phương tiện vận tải	14.965.050.678	3.733.341.501	
4	Tài sản cố định khác	725.362.052	671.233.817	92,5
<b>II</b>	<b>TSCĐVH</b>	<b>26.625.078.780</b>	<b>25.139.003.962</b>	
1	Quyền sử dụng đất	22.422.122.000	22.422.122.000	100,0
2	Phần mềm máy vi tính	4.202.956.780	2.716.881.962	64,6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>270.066.069.936</b>	<b>114.048.430.391</b>	

*Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2024 của Hadiphar.*

### b. Tình hình nợ phải trả

#### ❖ Tình hình công nợ hiện nay

		<i>Dvt: VNĐ</i>
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>149.330.072.373</b>	<b>131.374.572.862</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	52.140.596.318	65.842.364.847
Người mua trả tiền trước	26.376.567.862	1.465.327.883
Thuế và các khoản khác phải nộp NN	1.120.186.918	1.638.244.518
Phải trả người lao động	8.060.251.153	7.261.726.149
Chi phí phải trả ngắn hạn	6.430.713.716	3.414.248.750
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	29.545.456	-
Phải trả ngắn hạn khác	5.791.956.769	6.414.875.259
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	48.906.578.766	44.500.410.041
Quỹ khen thưởng phúc lợi	473.675.415	837.375.415
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>25.880.399.262</b>	<b>7.973.053.490</b>
Phải trả dài hạn khác	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	25.468.845.046	7.561.499.274
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	411.554.216	411.554.216
<b>Tổng nợ</b>	<b>175.210.471.635</b>	<b>139.347.626.352</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2024 của Hadiphar*

❖ Các khoản phải thu

		<i>Dvt: VNĐ</i>
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>31/12/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>I. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>60.321.389.316</b>	<b>74.102.343.609</b>
Các khoản phải thu ngắn hạn của KH	55.037.884.130	67.458.983.478
Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.588.557.176	6.692.816.074
Phải thu ngắn hạn khác	824.108.209	1.079.704.256
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.129.160.199)	(1.129.160.199)
<b>II. Phải thu dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>60.321.389.316</b>	<b>74.102.343.609</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán 2024 của Hadiphar*

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

#### **❖ Công tác Quản lý chất lượng:**

- Giám sát và quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất của hai nhà máy hoạt động theo tiêu chuẩn GMP-WHO, đảm bảo sản xuất thuốc 100% đạt chất lượng trước khi đưa ra thị trường.
- Thực hiện nâng cấp và áp dụng quản lý theo tiêu chuẩn Iso 9001:2015 và ISO 13485:2016 vào công tác sản xuất, kinh doanh hàng ngày, cải thiện nâng cao hiệu quả công việc, chống lãng phí trong sản xuất và kinh doanh.
- Đã kiểm định và hiệu chuẩn các thiết bị phân tích theo kế hoạch đề ra của năm 2024.
- Đã thay đổi được nhiều phương pháp kiểm nghiệm mới giảm thiểu quá trình phân tích.
- Áp dụng quản lý tài chính tổng thể toàn công ty thông qua hệ thống phần mềm kế toán ERP và môi trường làm việc số Base để nâng cao năng suất lao động, đánh giá được năng lực của cán bộ công nhân viên, từ đó bố trí công việc tối ưu cho cán bộ công nhân viên và tiết kiệm chi phí.

#### **❖ Công tác nghiên cứu:**

- Trong năm Bộ Phận NCPT đã nghiên cứu và triển khai sản xuất 24 sản phẩm mới cho công ty. Ổn định, cải tiến chất lượng, giảm giá thành và hạn chế lãng phí một số sản phẩm chưa ổn định.
- Phối hợp với các bộ phận khác để kiểm tra, giám sát các sản phẩm triển khai trong nhà máy.

#### **❖ Công tác cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm:**

- Xây dựng và áp dụng quy trình quản lý sai lệch, quản lý rủi ro trong sản xuất. Cải tiến quy trình sản xuất một số sản phẩm nhằm tạo ra năng suất lao động, mang lại nhiều lợi nhuận.
- Xây dựng, cải tiến lại quy trình nấu cao, cô cao, cách tính lượng cao, giúp sản xuất ổn định giữa các mẻ, tăng sự đồng nhất giữa các lô, giảm thiểu rủi ro về chất lượng.
- Kết hợp chặt chẽ giữa xưởng sản xuất Tân dược, Đông dược và BP cơ điện đã có nhiều sáng kiến cải tiến máy móc thiết bị giúp tiết kiệm được rất nhiều công lao động và rút ngắn thời gian sản xuất.

❖ **Công tác đăng ký sản phẩm mới:**

- Cục Quản lý dược cấp số cho 28 số đăng ký thuốc, gia hạn 5 năm cho 56 số đăng ký 5 năm và 29 số đăng ký 3 năm.
- Sở Y tế cấp 6 số mỹ phẩm, cấp mới cho 7 sản phẩm đăng ký thiết bị y tế, 2 sản phẩm thực phẩm bảo vệ sức khỏe.
- Nộp đăng ký hồ sơ thay đổi bổ sung và nhiều hồ sơ bổ sung đăng ký thuốc.
- Nghiên cứu và đưa ra thị trường 24 sản phẩm mới trong đó có một số sản phẩm dùng để xuất khẩu sang thị trường Laos và Cambodia.

**4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần):** Không có

**5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời các yêu cầu, tiêu chuẩn về hệ thống xử lý nước, nước thải; trồng cây xanh và vệ sinh môi trường, được cơ quan chuyên môn thẩm định và cấp phép.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Các chính sách chung về lao động được công ty tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật về lao động, đảm bảo về môi trường lao động và nâng cao thu nhập cho người lao động.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động các tổ chức đoàn thể: Đoàn Thanh niên, Phụ nữ, phong trào của Công đoàn. Phát động CBCNV hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước, tích cực lao động sản xuất giành nhiều thành tích cao ngay từ đầu năm.

- Tích cực tham gia hoạt động xã hội, từ thiện, phong trào đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nông thôn mới...

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.**

- Các thành viên HĐQT có sự đoàn kết, thống nhất cao trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời công ty luôn tuân thủ pháp luật về

bảo vệ môi trường song song với các hoạt động phát triển lợi ích xã hội.

- HĐQT đã bám sát nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, chỉ đạo ban Tổng giám đốc triển khai có hiệu quả công tác sản xuất kinh doanh, xây dựng thương hiệu Hadiphar.

- Thực hiện việc quản trị doanh nghiệp và giám sát hoạt động SXKD của Ban điều hành và cán bộ quản lý nhằm minh bạch trong quản lý kinh tế và tăng hiệu quả kinh doanh.

- Tăng cường quản lý các chi phí, công nợ, giá cả nguồn vốn, thực hiện nghiêm túc các quy định của ngành và pháp luật của nhà nước.

**Một số chỉ tiêu kinh doanh đạt được như sau:**

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ thực hiện(%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ	480	421	88
2	Doanh thu hàng Hadiphar SX	Tỷ	400	340	85
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ	18,8	19,9	106
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	15	15,8	105
5	Thu nhập bình quân người/tháng	Triệu	10	10	100

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

- Về hoạt động giám sát, điều hành được thực hiện theo đúng luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, theo quy chế làm việc của HĐQT, của Ban Tổng giám đốc, theo phân cấp ủy quyền... Tất cả các chỉ đạo của HĐQT đều được triển khai kịp thời, các báo cáo vướng mắc, khó khăn đều được HĐQT quán triệt chỉ đạo xử lý dứt điểm tránh những rủi ro, thiệt hại xảy ra.

- Có hai phần ba thành viên Ban tổng giám đốc là thành viên HĐQT nên việc báo cáo cung cấp thông tin về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc cho HĐQT được thuận lợi.

- HĐQT giám sát việc thực hiện, triển khai Nghị quyết, quyết định liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đầu tư, cơ cấu tổ chức, nhân sự, quản lý phù hợp với Điều lệ, quy chế, quy định hiện hành của Công ty và pháp luật của Nhà nước.

## **3. Đánh giá phối hợp hoạt động HĐQT- Ban Kiểm soát và cổ đông:**

- Việc phối hợp với ban kiểm soát và cổ đông: HĐQT tổ chức họp định kỳ, đột xuất đều có sự tham gia của ban kiểm soát và bộ phận quản lý cổ đông nhằm giải đáp, điều chỉnh kịp thời những ý kiến, thắc mắc của thành viên ban kiểm soát và cổ đông.

- HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2024, HĐQT cùng Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các đơn vị, bộ phận đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát.

#### **4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2025:**

- Tổng doanh thu: 500 tỷ đồng, trong đó kế hoạch doanh thu hàng sản xuất 420 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 15 tỷ - 20 tỷ đồng, chi trả cổ tức cho cổ đông từ 15%/Năm - 18%/Năm bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu.

- Thu nhập bình quân phần đầu đạt 11 triệu đồng/người/tháng.

- Đầu tư nhà sản xuất và nhà đa chức năng tại khu công nghiệp Cẩm Vịnh, Cẩm Xuyên với ước tính chi phí đầu tư dự án trên 25 tỷ.

- Nghiên cứu mua nhà, đất xây dựng cho chi nhánh ngoại tỉnh của Công ty khi có điều kiện và một số địa phương khi cần thiết mở rộng thị trường ....

- Đầu tư máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ hiện tại tăng năng lực sản xuất và xây dựng các dây chuyền mới để tăng năng suất lao động, giảm chi phí.

- Đăng ký đề tài mới năm 2025 để nâng cao công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới có giá trị phục vụ người tiêu dùng. Đăng ký nghiên cứu các sản phẩm tương đương sinh học.

- Ứng dụng và hoàn thiện các phần mềm quản trị doanh nghiệp, chuyển đổi số.

- Thanh toán chi trả cổ tức năm 2024.

- Mở rộng liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để làm tăng nguồn lực và xuất khẩu.

#### **5. Định hướng chiến lược của công ty trong tương lai:**

- Thu hút nhân sự trình độ cao để quản trị và phát triển doanh nghiệp; vận dụng các chính sách của Doanh nghiệp khoa học công nghệ, nghiên cứu ra các sản phẩm thuốc có giá trị chữa bệnh cao, giá trị gia tăng lớn; đầu tư nuôi trồng cây con dược liệu cung ứng cho Nhà máy Đông dược tại khu CN-TTCN Cẩm Vịnh, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác sản xuất kinh doanh và xuất khẩu, phát triển theo hai hướng: chiều sâu và chiều rộng. Phát triển và xây dựng hệ thống phân phối toàn quốc, xây dựng thương hiệu Hadiphar và xây dựng cơ sở vật chất ngày càng hoàn thiện.

## **V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

1. Ý kiến kiểm toán:

Ý kiến chấp nhận toàn phần: “ Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xem BCTC đã kiểm toán năm 2024 của CTCP Dược Hà Tĩnh (đính kèm)

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**LÊ QUỐC KHÁNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 39

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Lê Hồng Phúc	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên
Ông Võ Đức Nhân	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Sáng	Thành viên
Ông Đinh Văn Dũng	Thành viên

#### **Ban Tổng giám đốc**

Ông Lê Quốc Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Võ Đức Nhân	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Vũ Kỳ	Phó Tổng giám đốc

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

*(tiếp theo)*

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**



Lê Quốc Khánh

Tổng Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

Số: 2403.06-25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thị Hồng Vân**

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

**Đặng Thị Thu Hằng**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3744-2021-034-1

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>146.944.463.742</b>	<b>148.546.031.031</b>
<b>I Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>4.145.024.857</b>	<b>4.154.823.251</b>
1 Tiền	111	V.1.	4.145.024.857	4.154.823.251
<b>II Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>60.321.389.316</b>	<b>74.102.343.609</b>
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	55.037.884.130	67.458.983.478
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	5.588.557.176	6.692.816.074
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	824.108.209	1.079.704.256
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5.	(1.129.160.199)	(1.129.160.199)
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6.</b>	<b>77.848.097.526</b>	<b>68.683.455.465</b>
1 Hàng tồn kho	141		78.543.124.453	68.683.455.465
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(695.026.927)	-
<b>V Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.629.952.043</b>	<b>1.605.408.706</b>
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.	384.683.985	417.961.559
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.111.626.503	1.183.590.386
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.	133.641.555	3.856.761
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>158.413.073.182</b>	<b>117.074.968.198</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>114.048.430.391</b>	<b>106.961.092.883</b>
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	88.909.426.429	81.401.793.239
- Nguyên giá	222		243.440.991.156	225.345.482.449
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(154.531.564.727)	(143.943.689.210)
2 Tài sản cố định vô hình	227	V.8.	25.139.003.962	25.559.299.644
- Nguyên giá	228		26.625.078.780	26.625.078.780
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.486.074.818)	(1.065.779.136)
<b>III Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>34.604.300.250</b>	<b>2.625.830.724</b>
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	34.604.300.250	2.625.830.724
<b>V Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.760.342.541</b>	<b>7.488.044.591</b>
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	9.760.342.541	7.488.044.591
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>305.357.536.924</b>	<b>265.620.999.229</b>

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
<b>C NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>175.210.471.635</b>	<b>139.347.626.352</b>
<b>I Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>149.330.072.373</b>	<b>131.374.572.862</b>
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11.	52.140.596.318	65.842.364.847
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12.	26.376.567.862	1.465.327.883
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.	1.120.186.918	1.638.244.518
4 Phải trả người lao động	314		8.060.251.153	7.261.726.149
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	6.430.713.716	3.414.248.750
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	29.545.456	-
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	5.791.956.769	6.414.875.259
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14.	48.906.578.766	44.500.410.041
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		473.675.415	837.375.415
<b>II Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.880.399.262</b>	<b>7.973.053.490</b>
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14.	25.468.845.046	7.561.499.274
2 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.18.	411.554.216	411.554.216
<b>D VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>130.147.065.289</b>	<b>126.273.372.877</b>
<b>I Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19.</b>	<b>129.806.408.745</b>	<b>125.932.716.333</b>
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.344.180.000	99.344.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		99.344.180.000	99.344.180.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		2.223.600.000	2.223.600.000
3 Quỹ đầu tư phát triển	418		12.090.810.784	11.590.810.784
4 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.147.817.961	12.774.125.549
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		352.823.949	346.045.216
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		15.794.994.012	12.428.080.333
<b>II Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>340.656.544</b>	<b>340.656.544</b>
1 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		340.656.544	340.656.544
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>305.357.536.924</b>	<b>265.620.999.229</b>

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Sáng

Quyền Kế toán trưởng



Phan Thị Tình

Tổng Giám đốc



Lê Quốc Khánh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	420.790.506.303	422.163.665.717
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	11.498.624.119	5.946.587.870
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		409.291.882.184	416.217.077.847
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	301.027.476.401	312.141.649.934
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		108.264.405.783	104.075.427.913
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	662.825.210	65.452.606
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	3.758.565.334	4.852.934.143
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.541.106.728	4.494.652.240
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	71.037.030.044	68.115.782.148
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	14.203.137.992	15.435.988.081
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		19.928.497.623	15.736.176.147
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	1.446.174	1.003.343
12. Chi phí khác	32	VI.7.	67.447.815	108.772.160
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(66.001.641)	(107.768.817)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		19.862.495.982	15.628.407.330
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	4.067.501.970	3.200.326.997
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15.794.994.012	12.428.080.333
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	1.589,93	1.313,37

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Sáng

Phan Thị Tình



Lê Quốc Khánh

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.862.495.982	15.628.407.330
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		11.652.968.097	12.076.799.878
- Các khoản dự phòng	03		695.026.927	(60.875.329)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.233.979)	(14.052.480)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.001.399)	(7.219.572)
- Chi phí lãi vay	06		3.541.106.728	4.494.652.240
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.742.362.356	32.117.712.067
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.723.133.382	3.426.544.586
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.859.668.988)	8.894.418.095
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		21.979.888.434	(14.057.684.790)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.239.020.376)	302.127.765
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.528.588.902)	(4.494.652.240)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.451.685.190)	(3.123.805.887)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.500.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(404.200.000)	(169.328.638)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>48.002.720.716</b>	<b>22.895.330.958</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(58.412.895.215)	(10.792.940.422)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.001.399	7.219.572
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(58.405.893.816)</b>	<b>(10.785.720.850)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		281.943.804.920	242.569.379.307
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(259.630.290.423)	(245.613.722.361)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.921.301.600)	(15.895.068.800)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>10.392.212.897</b>	<b>(18.939.411.854)</b>

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)*

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(10.960.203)	(6.829.801.746)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.154.823.251	10.961.907.267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.161.809	22.717.730
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	4.145.024.857	4.154.823.251

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Người lập biểu

Quyền Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Sáng

Phan Thị Tình

Lê Quốc Khanh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tĩnh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3000104879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 29/12/2004. Công ty có 19 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3000104879 thay đổi lần 19 ngày 29/12/2022 thì vốn Điều lệ của Công ty là **99.344.180.000 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi chín tỷ, ba trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã giao dịch là HDP.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, bán buôn, bán lẻ và xuất nhập khẩu thuốc chữa bệnh; Sản xuất nguyên phụ liệu, sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người;

- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: sản xuất đồ uống không cồn; Bán buôn đồ uống;

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, Chi tiết: Bán lẻ và xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người. Bán lẻ vắc xin, sinh phẩm y tế;

- Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng. Tư vấn thuốc và sức khỏe;

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn và xuất nhập khẩu nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dùng cho người, vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế; Bán buôn vắc xin, sản phẩm y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;

- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước uống tinh khiết, nước giải khát;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, tài sản trên đất;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát, thi công các công trình lắp đặt, xây dựng máy móc thiết bị y tế và dược phẩm;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, thi công, lắp đặt các công trình, máy móc, thiết bị y tế và dược phẩm;

- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp.

**Trụ sở Công ty tại:** Số 167 đường Hà Huy Tập, Phường Nam Hà, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp****Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:**

Tên Đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Thành phố Hà Nội	Số 3, ngõ 122, đường Láng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 18, đường 50B, khu phố 9, phường Tân Tạo, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tỉnh Thanh Hóa	510 Hải Thượng Lãn Ông, Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
Chi nhánh tỉnh Nghệ An	Liên kề 1-12, đường Lê Nin, xóm 19, xã Nghi Phú, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh huyện Lộc Hà	Xóm 1, xã Thạch Mỹ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Kỳ Anh	Khu phố 2, thị trấn Kỳ Anh, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Thạch Hà	Khối 10, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Cẩm Xuyên	Tổ 13, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Can Lộc	Khối 6B, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Nghi Xuân	Khối 4, thị trấn Nghi Xuân, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Đức Thọ	Xóm Cầu Đồi, xã Đức Yên, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Hương Sơn	Khối 1, thị trấn Phố Châu, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh huyện Hương Khê	Khối 8, thị trấn Hương Khê, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh
Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	187 Nguyễn Xí, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Nha Trang	Lô 09-STH24 đường số 10, khu đô thị mới Lê Hồng Phong I, phường Phước Hải, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**7. Số lượng nhân viên**

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 580 nhân viên (Tại ngày 31/12/2023 là 574 nhân viên).

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**2. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3. Nguyên tắc ghi nhận tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**

**6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	05 - 10
Tài sản cố định khác	07 - 15

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**6.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định được bán thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất lâu dài và phần mềm máy tính.

**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm phần mềm đưa vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ; Chi phí bảo trì phần mềm; Chi phí san nền, giải phóng mặt bằng, khảo sát ở Cẩm Vịnh; Sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà máy; Thuê ki ốt kinh doanh tại Chợ Bông - Đức Bông - Vũ Quang; Chi phí dịch vụ phần mềm và các chi phí trả trước khác chờ phân bổ.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 3 năm.

Chi phí bảo trì phần mềm: Chi phí bảo trì phần mềm quản lý hệ thống phân phối ERP phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời gian thực tế trên hợp đồng bảo trì.

Chi phí san nền, giải phóng mặt bằng, khảo sát ở Cẩm Vịnh là toàn bộ các khoản chi phí mà Công ty chi ra phục vụ cho việc giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng Nhà máy Cẩm Vịnh và được phân bổ theo thời gian khấu hao của Nhà máy,

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà máy là các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Chi phí thuê ki ốt kinh doanh tại Chợ Bông - Đức Bông - Vũ Quang là chi phí trả trước tiền thuê ki ốt kinh doanh phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ theo thời gian thực tế theo thỏa thuận hợp đồng.

Chi phí dịch vụ phần mềm là chi phí trả trước gói dịch vụ sử dụng phần mềm phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ theo thời gian sử dụng phần mềm quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ phần mềm.

**8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí trích trước của các chương trình khuyến mại đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

**12. Quỹ phát triển khoa học công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ không quá 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện tại quỹ có thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau/ tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

**13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận lãi (lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, lãi tiền gửi.

***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**15. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm Chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, phí bảo lãnh hợp đồng và chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm.

**16. Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**17. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm dược phẩm và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

**1. Tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	552.013.221	1.123.687.495
Tiền gửi ngân hàng	3.135.011.636	2.665.135.756
Tiền đang chuyển	458.000.000	366.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.145.024.857</b>	<b>4.154.823.251</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Thương mại Song Vàng	-	-	414.687.792	-
Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Hà Tĩnh	3.010.492.609	-	3.607.586.532	-
Trung tâm Y tế huyện Can Lộc	2.984.930.617	-	3.355.339.181	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà,  
thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty CP Rosabela Việt Nam	3.229.409.107	-	3.332.631.770	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Khánh Nguyên	4.347.847.809	-	4.540.682.786	-
Các đối tượng khác	41.465.203.988	(1.129.160.199)	52.208.055.417	(1.129.160.199)
<b>Cộng</b>	<b>55.037.884.130</b>	<b>(1.129.160.199)</b>	<b>67.458.983.478</b>	<b>(1.129.160.199)</b>

**3. Trả trước cho người bán**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Xây lắp 998	-	-	1.200.000.000	-
Công ty TNHH Thiết bị New Diamond	-	-	1.083.877.200	-
Công ty TNHH MTV Vĩnh Linh	1.216.000.000	-	-	-
Ennovpha Industries (Asia) Limited	252.093.600	-	2.202.937.440	-
Dunham-Bush Industries SDN. BHD.	944.727.510	-	944.727.510	-
Meggle Usa Inc	974.100.000	-	-	-
Công ty TNHH TM SX và xây dựng Phong Thịnh	282.146.480	-	141.073.240	-
Chi nhánh Hà Tây - Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội	200.662.800	-	-	-
Công ty TNHH xây dựng và thương mại tổng hợp Sông Châu	451.931.508	-	-	-
Công ty CP Kỹ thuật Trung Hiếu	204.743.700	-	-	-
Các đối tượng khác	1.062.151.578	-	1.120.200.684	-
<b>Cộng</b>	<b>5.588.557.176</b>	<b>-</b>	<b>6.692.816.074</b>	<b>-</b>

**4. Phải thu khác**

	31/12/2024		01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Phải thu khác	542.629.272	-	651.980.941	-
Thiếu Đăng Hưng	131.902.225	-	131.902.225	-
Các đối tượng khác	410.727.047	-	520.078.716	-
Tạm ứng	281.478.937	-	427.723.315	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Phan Anh Huy	-	-	49.637.878	-
Nguyễn Mạnh Cường	56.534.275	-	20.000.864	-
Nguyễn Thanh Tịnh	62.320.000	-	-	-
Các đối tượng khác	162.624.662	-	358.084.573	-
<b>Cộng</b>	<b>824.108.209</b>	<b>-</b>	<b>1.079.704.256</b>	<b>-</b>

b) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**5. Nợ xấu**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn khó có khả năng thu hồi</b>				
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Phòng khám đa khoa Thiện Tâm	216.530.614	-	216.530.614	-
Công ty CP Dược - Vật tư y tế Gia Lai	134.757.128	-	134.757.128	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm Cao Nguyên Từ Thị Sâm	134.372.574	-	134.372.574	-
Từ Thị Sâm	621.001.643	-	621.001.643	-
Các đối tượng khác	22.498.240	-	22.498.240	-
<b>Cộng</b>	<b>1.129.160.199</b>	<b>-</b>	<b>1.129.160.199</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.228.920.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	43.875.917.026	(628.070.281)	32.658.511.409	-
Công cụ, dụng cụ	177.973.161	(5.776.822)	196.108.293	-
Thành phẩm	25.064.294.506	(40.876.590)	24.992.065.991	-
Hàng hóa	9.424.939.760	(20.303.234)	9.607.849.772	-
<b>Cộng</b>	<b>78.543.124.453</b>	<b>(695.026.927)</b>	<b>68.683.455.465</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tài sản cố định khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư ngày 01/01/2024	111.435.357.152	98.945.074.619	14.965.050.678	-	225.345.482.449	
Mua trong năm	-	13.645.599.109	-	725.362.052	14.370.961.161	
Đầu tư XDCB hoàn thành	4.369.344.444	-	-	-	4.369.344.444	
Thanh lý, nhượng bán	(435.496.898)	(209.300.000)	-	-	(209.300.000)	
Phá dỡ tài sản cố định	-	-	-	-	(435.496.898)	
<b>Số dư ngày 31/12/2024</b>	<b>115.369.204.698</b>	<b>112.381.373.728</b>	<b>14.965.050.678</b>	<b>725.362.052</b>	<b>243.440.991.156</b>	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư ngày 01/01/2024	61.519.184.830	72.243.354.234	10.181.150.146	-	143.943.689.210	
Khấu hao trong năm	4.147.592.663	5.980.392.486	1.050.559.031	54.128.235	11.232.672.415	
Thanh lý, nhượng bán	-	(209.300.000)	-	-	(209.300.000)	
Phá dỡ tài sản cố định	(435.496.898)	-	-	-	(435.496.898)	
<b>Số dư ngày 31/12/2024</b>	<b>65.231.280.595</b>	<b>78.014.446.720</b>	<b>11.231.709.177</b>	<b>54.128.235</b>	<b>154.531.564.727</b>	
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2024	49.916.172.322	26.701.720.385	4.783.900.532	-	81.401.793.239	
Tại ngày 31/12/2024	50.137.924.103	34.366.927.008	3.733.341.501	671.233.817	88.909.426.429	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 108.768.203.264 VND (Tại ngày 31/12/2023 là: 98.581.800.278 VND).

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 63.519.036.768 VND (Tại ngày 31/12/2023: 63.897.021.636 VND).

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Đơn vị tính: VND
			Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	22.422.122.000	4.202.956.780	26.625.078.780
Số dư ngày 31/12/2024	22.422.122.000	4.202.956.780	26.625.078.780
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	-	1.065.779.136	1.065.779.136
Khấu hao trong năm	-	420.295.682	420.295.682
Số dư ngày 31/12/2024	-	1.486.074.818	1.486.074.818
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2024	22.422.122.000	3.137.177.644	25.559.299.644
Tại ngày 31/12/2024	22.422.122.000	2.716.881.962	25.139.003.962

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 19.073.122.000 VND (Tại ngày 31/12/2023: 19.073.122.000 đồng).

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công trình xưởng sản xuất viên nang mềm	109.090.909	109.090.909
Chi phí cải tạo Văn phòng và công chính Công ty	-	2.516.739.815
Chi phí đầu tư phòng cháy chữa cháy	92.592.593	-
Mua sắm máy móc thiết bị	2.729.520.454	-
Mua nhà tại Dự án An Quý Villas	31.673.096.294	-
<b>Cộng</b>	<b>34.604.300.250</b>	<b>2.625.830.724</b>

**10. Chi phí trả trước**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	295.644.395	328.921.969
Chi phí bảo hiểm	89.039.590	89.039.590
<i>b) Dài hạn</i>		
Chi phí san nền, giải phóng mặt bằng, khảo sát ở Cẩm Vịnh	-	2.862.427.316
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	515.229.838	853.608.115
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, nhà máy	7.866.052.284	2.377.834.294
Thuê ô tô kinh doanh tại Chợ Bộng - Đức Bông - Vũ Quang	82.604.140	129.806.512
Chi phí phần mềm Base	917.700.000	1.179.900.000
Chi phí trả trước khác	378.756.279	84.468.354
<b>Cộng</b>	<b>10.145.026.526</b>	<b>7.906.006.150</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà,  
thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**11. Phải trả người bán**

	31/12/2024 VND		01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Hóa Dược Quốc tế Hà Nội	2.951.022.406	2.951.022.406	4.752.574.840	4.752.574.840
Công ty TNHH Bao Bì Tấn Thành	1.818.482.435	1.818.482.435	1.490.430.335	1.490.430.335
Công ty TNHH Suheung Việt Nam	3.694.545.500	3.694.545.500	5.035.087.400	5.035.087.400
Công ty TNHH Sản xuất Bao Bì và TM Đức Thành	1.923.644.946	1.923.644.946	1.733.052.017	1.733.052.017
Công ty CP Dược phẩm Vĩnh Phúc	-	-	126.899.990	126.899.990
Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam (FKV)	1.909.019.427	1.909.019.427	1.515.874.412	1.515.874.412
Công ty cổ phần Thương mại Dược VTYT Khải Hà	1.945.058.129	1.945.058.129	1.093.293.183	1.093.293.183
Công ty CP Dược thiết bị y tế Hà Giang	1.019.276.789	1.019.276.789	5.028.537.499	5.028.537.499
Công ty TNHH Linh Hưng	2.126.301.250	2.126.301.250	2.098.327.100	2.098.327.100
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (Sapharco)	-	-	9.895.500.000	9.895.500.000
Công ty CP Thương mại Dược phẩm 3A	4.674.296.280	4.674.296.280	2.779.620.000	2.779.620.000
Các đối tượng khác	30.078.949.156	30.078.949.156	30.293.168.071	30.293.168.071
<b>Cộng</b>	<b>52.140.596.318</b>	<b>52.140.596.318</b>	<b>65.842.364.847</b>	<b>65.842.364.847</b>

**12. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
	<i>Ngắn hạn</i>	
Sun Jeu Pharma Co., Ltd	33.659.882	480.555.739
Sambath Sery Vattanac Co.,Ltd	649.072.671	65.115.608
Công ty TNHH Dược phẩm Liên Hoa	-	165.936.920
Công ty cổ phần Dược phẩm Generic	1.150.000.000	-
Công ty TNHH Corex Biopharm	3.287.987.355	-
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Song Vân	19.410.211.629	-
Công ty CP Dược Phúc Thái	972.992.200	-
Các đối tượng khác	872.644.125	753.719.616
<b>Cộng</b>	<b>26.376.567.862</b>	<b>1.465.327.883</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2024
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT đầu ra	98.191.989	2.209.259.516	2.307.433.600	17.905
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.617.935.684	1.617.935.684	-
Thuế thu nhập cá nhân	139.178.737	1.456.169.423	1.492.182.654	103.165.506
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.344.176.170	4.067.501.970	4.451.685.190	959.992.950
Thuế tiêu thụ đặc biệt	56.697.622	269.503.063	282.591.708	43.608.977
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	379.577.184	379.577.184	-
Các loại thuế khác	-	13.401.580	-	13.401.580
<b>Cộng</b>	<b>1.638.244.518</b>	<b>10.013.348.420</b>	<b>10.531.406.020</b>	<b>1.120.186.918</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	130.784.794	130.784.794
Thuế thu nhập cá nhân	2.758.448	-	-	2.758.448
Các loại thuế khác	1.000.000	25.998.225	24.998.225	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	98.313	16.296.374	16.296.374	98.313
<b>Cộng</b>	<b>3.856.761</b>	<b>42.294.599</b>	<b>172.079.393</b>	<b>133.641.555</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**14. Vay**

	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>48.906.578.766</b>	<b>48.906.578.766</b>	<b>250.337.049.108</b>	<b>245.930.880.383</b>	<b>44.500.410.041</b>	<b>44.500.410.041</b>
<i>a1) Vay ngắn hạn</i>	<i>35.949.603.928</i>	<i>35.949.603.928</i>	<i>237.380.074.270</i>	<i>236.404.711.095</i>	<i>34.974.240.753</i>	<i>34.974.240.753</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (1)	7.753.969.822	7.753.969.822	126.848.912.666	125.363.617.944	6.268.675.100	6.268.675.100
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (2)	24.993.731.104	24.993.731.104	107.199.258.602	110.911.093.151	28.705.565.653	28.705.565.653
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (3)	3.201.903.002	3.201.903.002	3.331.903.002	130.000.000	-	-
<i>a2) Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>12.956.974.838</i>	<i>12.956.974.838</i>	<i>12.956.974.838</i>	<i>9.526.169.288</i>	<i>9.526.169.288</i>	<i>9.526.169.288</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (4)	7.980.064.000	7.980.064.000	7.980.064.000	1.852.200.000	1.852.200.000	1.852.200.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (5)	4.976.910.838	4.976.910.838	4.976.910.838	7.661.160.040	7.661.160.040	7.661.160.040
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (6)	-	-	-	12.809.248	12.809.248	12.809.248
<b>b) Dài hạn</b>	<b>25.468.845.046</b>	<b>25.468.845.046</b>	<b>44.563.730.650</b>	<b>26.656.384.878</b>	<b>7.561.499.274</b>	<b>7.561.499.274</b>
<i>Vay dài hạn</i>	<i>25.468.845.046</i>	<i>25.468.845.046</i>	<i>44.563.730.650</i>	<i>26.656.384.878</i>	<i>7.561.499.274</i>	<i>7.561.499.274</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (4)	20.617.741.556	20.617.741.556	31.693.342.670	13.290.314.000	2.214.712.886	2.214.712.886
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (5)	4.851.103.490	4.851.103.490	12.870.387.980	13.366.070.878	5.346.786.388	5.346.786.388
<b>Cộng</b>	<b>74.375.423.812</b>	<b>74.375.423.812</b>	<b>294.900.779.758</b>	<b>272.587.265.261</b>	<b>52.061.909.315</b>	<b>52.061.909.315</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 70/24/NH/KHDN ngày 27/12/2024 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Hạn mức dư nợ: 25.000.000.000 VND; Mục đích vay: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định; Thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Bảo đảm theo (các) biện pháp bảo đảm hoặc Hợp đồng Bảo đảm quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng. Lãi suất vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2024/511085/HĐTD ngày 06/5/2024 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh. Số tiền vay tối đa là 40.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn vay: được ghi trên từng giấy nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Các hợp đồng thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư số 01/2014/511085/HĐBB ngày 24/3/2014; Số 03/2014/511085/HĐBB ngày 11/8/2014; Số 01/2016/511085/HĐBB ngày 04/3/2016; Số 03/2017/511085/HĐBBFF ngày 25/10/2017. Lãi suất vay: chi tiết theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 2404.0200/2024-HĐCVHM/NHCT430-DUOCHT với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, hạn mức dư nợ 10 tỷ đồng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh hợp pháp, hợp lệ của bên vay. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất vay: được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.
- Khoản vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, bao gồm:
  - Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 04/23/TDHH/KHDN ngày 20/12/2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền cho vay tối đa là 657.970.950 VND; Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến Phương án Đầu tư 03 Máy thiết bị xử lý không khí kết hợp dàn ngưng tụ để nâng cao năng lực sản xuất; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay cố định 6,9%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản là Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, Hàng tồn kho, Khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 1313/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014; số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023; số 21/23/TC/KHDN ngày 28/6/2023; số 85/23/TC/KHDN ngày 09/12/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 02/23/TD/H/KHDN ngày 29/6/2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền cho vay tối đa là 936.571.500 VND; Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc Đầu tư 03 máy móc thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất bao gồm: 01 Máy hòa tan 8 cốc PTWS 820D, Model: PTWS 820D; 01 Máy phân cực kế, Model: MCP 4100 và 01 Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao đầu dò UV, Model: LC-2050; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay cố định 8,7%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp tài sản là Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, Hàng tồn kho, Khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 1313/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014; số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 15/24/TD/H/KHDN ngày 27/12/2024 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, số tiền cho vay tối đa là 1,1 tỷ đồng nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư (chưa bao gồm VAT); mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến Phương án đầu tư 1 hệ thống phòng sạch phục vụ hoạt động sản xuất thuốc nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP-WHO để nâng cao năng lực sản xuất. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cố định 5,6%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp tài sản là Quyền và sử dụng đất và nhà ở, tài sản trên đất, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2024, số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHDN ngày 14/3/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/22/TD/H/KHDN ngày 19/4/2022 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền cho vay tối đa là 2,16 tỷ đồng; Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư 01 máy dập viên cao tốc, Model: JC-SH-31D để nâng cao năng lực sản xuất. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay cố định 12 tháng đầu 7,5%/năm, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp tài sản là Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, Hàng tồn kho, Khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 1313/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014; số 820/20/TC/KHDN ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHDN ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHDN ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHDN ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHDN ngày 23/9/2021 ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 04/24/TDHH/KHND ngày 29/8/2024 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, số tiền cho vay tối đa là 27,5 tỷ đồng nhưng tối đa không vượt quá 80% tổng mức phương án đầu tư, mục đích vay tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến phương án đầu tư mua nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty CP Dược Hà Tĩnh - Chi nhánh Hà Nội, Tài sản tại ô đất ký hiệu F10-L31 thuộc dự án An Quý Villas có địa chỉ tại khu đô thị mới Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội. Lãi suất 6,3%/năm cố định trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Thẻ chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và nhà ở, Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2023, số 820/20/TC/KHND ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHND ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHND ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHND ngày 03/4/2019, số 350/2019/TC/KHND ngày 03/4/2019, số 260/21/TC/KHND ngày 23/9/2021, số 16/23/TC/KHND ngày 14/03/2023, số 21/23/TC/KHND ngày 28/6/2023, số 85/23/TC/KHND ngày 09/12/2023, số 14/24/TC/KHND ngày 05/6/2024; số 38/24/TC/KHND ngày 12/8/2024 và các Hợp đồng sửa, đổi bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 03/24/TDHH/KHND ngày 12/6/2024 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, số tiền cho vay tối đa là 2,4 tỷ đồng nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư, mục đích vay Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến Phương án đầu tư 1 hệ thống phòng sạch phục vụ hoạt động sản xuất thuốc nhỏ mắt đạt tiêu chuẩn GMP-WHO để nâng cao năng lực sản xuất. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay điều tiên, lãi suất 7,1%/năm cố định trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Thẻ chấp tài sản là tài sản trên đất, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/2/2014, số 820/20/TC/KHND ngày 07/12/2020; số 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013, số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/VCB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHND ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHND ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHND ngày 03/04/2019; số 350/2019/TC/KHND ngày 03/04/2019; 260/21/TC/KHND ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHND ngày 14/03/2023; số 21/23/TC/KHND ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHND ngày 14/03/2023; số 21/23/TC/KHND ngày 28/6/2023; số 85/23/TC/KHND ngày -9/12/2023; số 14/24/TC/KHND ngày 05/6/2024 và các Hợp đồng sửa, đổi bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

- Khoản vay theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 01/23/TDHH/KHND ngày 15/3/2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền cho vay tối đa là 1,8 tỷ đồng; Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc Đầu tư Máy trộn nhũ hóa chân không, Model: SY-HME-200 để nâng cao năng lực sản xuất; Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Lãi suất vay cố định 9,8%/năm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên, thời gian còn lại theo thông báo lãi suất của Ngân hàng; Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp tài sản là Tài sản trên đất, máy móc thiết bị, Hàng tồn kho, Khoản phải thu theo Hợp đồng thế chấp số 1313/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; Hợp đồng thế chấp số 01/TDTS/645898 ngày 26/12/2014; số 820/20/TC/KHND ngày 07/12/2020; 13/645898/VCB.HTI ngày 30/10/2013; số 15/3524TC/VCB.HTI ngày 24/6/2015; số 16/2501TC/CB.HTI ngày 22/02/2016; số 16/2510TC/KHND ngày 24/10/2016; 906/20/TC/KHND ngày 29/10/2020; số 349/2019/TC/KHND ngày 03/4/2019; số 350/2019/TC/KHND ngày 03/4/2019; số 260/21/TC/KHND ngày 23/9/2021; số 16/23/TC/KHND ngày 14/3/2023 và các hợp đồng sửa đổi, bổ sung (nếu có) ký giữa Ngân hàng và Khách hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng cấp tín dụng số 02/2022/511085/HĐTĐ ngày 06/7/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 4.986.487.200 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Đầu tư tài sản là 08 máy móc, thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất, đóng gói dược phẩm, cụ thể: 01 Hệ thống máy xát hạt Quadro Comil 194, 01 máy đóng nang cứng, 01 máy lau viên nang, 01 máy đóng hộp tự động, 01 máy bao phim tự động, 01 máy đóng gói (vi thuốc), 01 máy nghiền đinh, 01 máy trộn cao tốc; Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,8%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Lãi suất kỳ đầu tiên được áp dụng tại thời điểm giải ngân. Lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 6 tháng/lần và được điều chỉnh vào ngày 01/3 và ngày 01/9 hàng năm; Biện pháp đảm bảo: ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 1.182.408.742 VND.

- Vay theo các hợp đồng sau: Hợp đồng số 03/2021/511085/HĐTĐ ngày 21/10/2021; Hợp đồng số 05/2021/511085/HĐTĐ ngày 01/11/2021; Hợp đồng số 04/2021/511085/HĐTĐ ngày 15/10/2021; Hợp đồng số 01/2021/511085/HĐTĐ ngày 04/5/2021; Hợp đồng số 02/2020/511085/HĐTĐ ngày 28/5/2020; Hợp đồng số 03/2019/511085/HĐTĐ ngày 29/7/2019; Hợp đồng số 02/2019/511085/HĐTĐ ngày 26/7/2019; Hợp đồng số 01/2019/511085/HĐTĐ ngày 06/6/2019 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Thời hạn vay 36 tháng và 60 tháng; Mục đích vay: Mua sắm tài sản; Lãi suất: Lãi suất áp dụng cụ thể theo từng hợp đồng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp kèm theo từng hợp đồng vay được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Công ty. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 175.220.096 VND.

- Hợp đồng tín dụng số 04/2023/511085/HĐTĐ ngày 28/11/2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 900.000.000 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Đầu tư 01 Xe ô tô con Kia Carnival-2.2D-Premium-8S theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số K231142 ngày 14/11/2023 được ký giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh và Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Ô tô Hoàng Hà; Lãi suất vay cố định trong 12 tháng đầu tiên là 7%/năm, thời gian còn lại áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,6%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm khác giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng với Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 600 triệu đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 03/2023/511085/HĐTĐ ngày 25/9/2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 3.360.000.000 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Đầu tư 07 máy móc thiết bị phục vụ sản xuất thuốc nhỏ mắt theo Hợp đồng mua bán số AS-HT230920 ngày 20/9/2023 được ký giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh và Ennovpha Industries (Asia) Limited; Lãi suất vay cố định trong 12 tháng đầu tiên là 7,3%/năm, thời gian còn lại áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,6%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Lãi suất kỳ đầu tiên sau thời gian ưu đãi được áp dụng từ ngày 25/9/2024 đến ngày 01/3/2025. Lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 6 tháng/lần và được điều chỉnh vào ngày 01/3 và 01/9 hàng năm; Biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm khác giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng với Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 2.072.536.500 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 09 - DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Hợp đồng tín dụng số 02/2023/511085/HĐTD ngày 25/8/2023 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 1.896.785.100 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị là Máy chiết chai, đóng nút trong, nắp ngoài tự động, Model: CJ-500V theo Hợp đồng kinh tế số 27/ND-23 ngày 08/8/2023 được ký giữa Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh và Công ty TNHH Thiết bị New Diamond; Lãi suất vay cố định trong 12 tháng đầu tiên là 7,3%/năm, thời gian còn lại áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,6%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm khác giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng với Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 948.392.550 VND.
- Hợp đồng tín dụng số 03/2022/511085/HĐTD ngày 24/5/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 4.900.000.000 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hợp lý thực hiện đầu tư dự án nhà ở cán bộ công nhân viên Công ty CP Dược Hà Tĩnh - Chi nhánh Nha Trang; Lãi suất vay cố định trong 24 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,8%/năm. Biện pháp đảm bảo: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm khác giao kết cùng ngày và sau ngày ký Hợp đồng tín dụng này giữa Khách hàng với Ngân hàng là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của thừa đất số 63, tờ bản đồ số 42, địa chỉ: Lô 09 - STH24 Đường số 10, Khu đô thị mới Lê Hồng Phong I, Phường Phước Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa để đảm bảo cho các nghĩa vụ của Khách hàng tại Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 750 triệu đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 06/2022/511085/HĐTD ngày 24/8/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 831.852.000 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Thanh toán tiền hệ thống máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC; Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng đầu tiên là 8,6%/năm. Sau thời gian trên áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,8%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Lãi suất kỳ đầu tiên thời gian ưu đãi được áp dụng từ ngày 24/8/2023 đến ngày 01/9/2023. Lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 6 tháng/lần và được điều chỉnh vào ngày 01/3 và ngày 01/9 hàng năm; Biện pháp đảm bảo: Thẻ chấp tài sản hình thành trong tương lai số 06/2022/511085/HĐBĐ ngày 24/8/2022 được ký giữa Công ty và Ngân hàng. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 201.282.000 VND.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 02/2022/511085/HĐTD ngày 06/7/2022 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh; Số tiền vay 4.986.487.200 VND; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: Đầu tư tài sản là 08 máy móc, thiết bị phục vụ nhu cầu sản xuất, đóng gói dược phẩm, cụ thể: 01 Hệ thống máy xát hạt Quadro Comil 194, 01 máy đóng nang cứng, 01 máy lau viên nang, 01 máy đóng hộp tự động, 01 máy bao phim tự động, 01 máy đóng gói (vi thuốc), 01 máy nghiền định, 01 máy trộn cao tốc; Lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,8%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Lãi suất kỳ đầu tiên được áp dụng tại thời điểm giải ngân. Lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 6 tháng/lần và được điều chỉnh vào ngày 01/3 và ngày 01/9 hàng năm; Biện pháp đảm bảo: ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 1.182.408.742 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Hợp đồng tín dụng số 02/2024/511085/HĐTD ngày 18/06/2024 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh. Số tiền vay 1.958.320.000 VND, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay đầu tư 4 máy móc thiết bị theo Hợp đồng mua bán số AS-HT231127 ngày 27/11/2023 được kí giữa Công ty CP Dược Hà Tĩnh và Ennovpha Industries (Asia) Limited. Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 6,8%/năm, sau thời gian trên áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần được xác định bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng VND của BIDV Hà Tĩnh tại thời điểm áp dụng cộng (+) margin 2,6%/năm và tuân thủ trần, sàn lãi suất cho vay theo quy định tương ứng với từng thời kỳ. Lãi suất kỳ đầu tiên được áp dụng tại thời điểm giải ngân. Lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 6 tháng/lần và được điều chỉnh vào ngày 01/3 và ngày 01/9 hàng năm; Biện pháp đảm bảo: ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm. Số dư gốc vay tại thời điểm 31/12/2024 là 1.918.174.440 VND.

(6) Hợp đồng tín dụng số 046CN299.HĐTD ngày 23/01/2019 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội; Số tiền vay không vượt quá 750 triệu đồng được giải ngân một lần hoặc nhiều lần theo đề nghị của Bên Vay vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn giải ngân; Mục đích vay: Mua xe ô tô Toyota Fortuner theo Hợp đồng mua bán số 00150119/THD-HDMB ngày 02/01/2019 phục vụ kinh doanh; Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu; Lãi suất vay: lãi suất cho vay thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân; Tài sản đảm bảo: Xe ô tô Toyota Fortuner số khung MHFJB3G4J1101887, số máy: 2GDC470938 đứng tên Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh tại Hà Nội cùng với bản chính giấy tờ sở hữu, sử dụng Tài sản bảo đảm bằng cách ký kết các hợp đồng bảo đảm. Khoản vay đã được tất toán trong năm.

**15. Chi phí phải trả**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí bán hàng phải trả	6.348.074.789	3.344.127.649
Chi phí lãi vay	82.638.927	70.121.101
<b>Cộng</b>	<b>6.430.713.716</b>	<b>3.414.248.750</b>

**16. Phải trả khác**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	31.596.220
Kinh phí công đoàn	864.573.299	1.100.815.470
Bảo hiểm xã hội	493.400.076	1.064.541.033
Bảo hiểm y tế	87.193.591	186.452.857
Bảo hiểm thất nghiệp	38.698.044	6.691.422
Phải trả về cổ phần hóa	1.320.000	1.320.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.306.771.759	4.023.458.257
<i>Nhận ký cược của trình được viên</i>	<i>2.387.342.406</i>	<i>2.440.342.406</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác.</i>	<i>1.919.429.353</i>	<i>1.583.115.851</i>
<b>Cộng</b>	<b>5.791.956.769</b>	<b>6.414.875.259</b>

*b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	29.545.456	-
<b>Cộng</b>	<b>29.545.456</b>	<b>-</b>

**18. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	411.554.216	411.554.216
Số dư tại ngày 31/12/2024	411.554.216	411.554.216

**19. Vốn chủ sở hữu**

*a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	99.344.180.000	2.223.600.000	17.191.114.016	118.758.894.016
Lãi trong năm trước	-	-	12.428.080.333	12.428.080.333
Phân phối các quỹ	-	-	(950.000.000)	(950.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(15.895.068.800)	(15.895.068.800)
Số dư tại ngày 31/12/2023	99.344.180.000	2.223.600.000	12.774.125.549	114.341.905.549
Lãi trong năm nay	-	-	15.794.994.012	15.794.994.012
Phân phối các quỹ (*)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chia cổ tức (*)	-	-	(11.921.301.600)	(11.921.301.600)
Số dư tại ngày 31/12/2024	99.344.180.000	2.223.600.000	16.147.817.961	117.715.597.961

(\*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2024 của Công ty CP Dược Hà Tĩnh.

*b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lê Hồng Phúc	12.224.660.000	9.217.390.000
Nguyễn Đăng Phát	7.447.630.000	7.447.630.000
Lê Quốc Khánh	15.701.940.000	11.485.790.000
Võ Đức Nhân	6.455.600.000	6.455.600.000

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các cổ đông khác	57.514.350.000	64.737.770.000
<b>Cộng</b>	<b>99.344.180.000</b>	<b>99.344.180.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	99.344.180.000	99.344.180.000
Vốn góp đầu năm	99.344.180.000	99.344.180.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	99.344.180.000	99.344.180.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	11.921.301.600	15.895.068.800

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.934.418	9.934.418
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.934.418	9.934.418
- Cổ phiếu phổ thông	9.934.418	9.934.418
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.934.418	9.934.418
- Cổ phiếu phổ thông	9.934.418	9.934.418

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu**

**e) Các quỹ của Công ty**

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2024
Quỹ đầu tư phát triển	11.590.810.784	500.000.000	-	12.090.810.784
<b>Cộng</b>	<b>11.590.810.784</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>12.090.810.784</b>

**\* Mục đích trích lập quỹ:**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024	01/01/2024
Dollar Mỹ (USD)	222,39	16.435,07

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Ông Vifon	-	167.808.850
Công ty TNHH Dược Vật tư Y tế Phúc Đức	-	160.544.433
Ông Võ Văn Ka	-	4.000.000
Các đối tượng khác	-	349.523.689
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>681.876.972</b>

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng	420.137.779.030	421.274.093.192
Doanh thu cung cấp dịch vụ	652.727.273	632.727.273
Doanh thu khác	-	256.845.252
<b>Cộng</b>	<b>420.790.506.303</b>	<b>422.163.665.717</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chiết khấu thương mại	10.841.484.510	5.432.364.969
Hàng bán bị trả lại	657.139.609	514.222.901
<b>Cộng</b>	<b>11.498.624.119</b>	<b>5.946.587.870</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn bán hàng	300.332.449.474	312.120.086.472
Giá vốn khác	-	21.563.462
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	695.026.927	-
<b>Cộng</b>	<b>301.027.476.401</b>	<b>312.141.649.934</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.001.399	7.219.572
Chiết khấu thanh toán được hưởng	572.885.495	20.986.530
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	53.119.287	23.609.177

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Chi phí đồ dùng văn phòng	333.359.085	234.497.868
Chi phí khấu hao TSCĐ	654.345.998	866.907.467
Thuế, phí và lệ phí	431.511.220	418.549.344
Chi phí dự phòng	-	621.001.643
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.502.693.706	1.138.938.128
Chi phí bằng tiền khác	4.602.848.963	6.792.175.562
<i>c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	-	<i>(11.537.229)</i>
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(11.537.229)
<b>Cộng</b>	<b>85.240.168.036</b>	<b>83.551.770.229</b>

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	175.039.001.520	188.698.880.021
Chi phí nhân công	64.632.268.436	64.227.152.131
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.652.968.097	12.076.799.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.919.036.805	11.622.546.092
Chi phí khác bằng tiền	45.871.114.955	43.598.474.930
<b>Cộng</b>	<b>308.114.389.813</b>	<b>320.223.853.052</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<i>Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	19.862.495.982	15.628.407.330
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	86.696.496	266.792.160
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	19.949.192.478	15.895.199.490
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.989.838.496	3.179.039.898
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	77.663.474	21.287.099
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.067.501.970	3.200.326.997

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.794.994.012	12.428.080.333
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.794.994.012	12.428.080.333

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.934.418	9.462.714
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.589,93	1.313,37

(\*) Năm 2024, lợi nhuận dùng để phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ****1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	281.943.804.920	242.569.379.307
<b>Cộng</b>	<b>281.943.804.920</b>	<b>242.569.379.307</b>

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	259.630.290.423	245.613.722.361
<b>Cộng</b>	<b>259.630.290.423</b>	<b>245.613.722.361</b>

**VIII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

***Danh sách các bên liên quan*****Bên liên quan**

Ông Lê Hồng Phúc  
Ông Lê Quốc Khánh  
Ông Võ Đức Nhân  
  
Ông Nguyễn Hữu Sáng  
Ông Đinh Văn Dũng  
Ông Nguyễn Đăng Phát  
  
Ông Phạm Vũ Kỳ  
Ông Phan Anh Huy  
Bà Bùi Thị Hoa  
Ông Phan Đình Tiến

**Mối quan hệ**

Chủ tịch HĐQT  
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc  
Thành viên HĐQT  
Thành viên HĐQT  
Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/4/2023)  
Phó Tổng giám đốc  
Trưởng ban kiểm soát  
Thành viên ban kiểm soát  
Thành viên ban kiểm soát

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Bà Phan Thị Tình

Quyền Kế toán trưởng

*\*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Đinh Văn Dũng	158.000.000	358.000.000
Ông Phan Anh Huy	100.000.000	52.000.000
Ông Võ Đức Nhân	-	50.000.000
Ông Nguyễn Hữu Sáng	7.000.000	10.000.000
Ông Phan Đình Tiến	100.000.000	120.000.000
<b>Hoàn ứng</b>		
Ông Đinh Văn Dũng	180.696.440	335.842.508
Ông Phan Anh Huy	124.339.254	97.182.030
Ông Võ Đức Nhân	15.000.000	110.000.000
Ông Nguyễn Hữu Sáng	7.000.000	10.000.000
Ông Phan Đình Tiến	100.000.000	122.386.000
<b>Cổ tức</b>		
Ông Lê Hồng Phúc	1.106.086.800	1.474.782.400
Ông Lê Quốc Khánh	1.378.294.800	1.837.726.400
Ông Võ Đức Nhân	774.672.000	1.032.896.000
Ông Đinh Văn Dũng	306.901.200	409.201.600
Ông Nguyễn Đăng Phát	893.715.600	1.191.620.800
Ông Phạm Vũ Kỳ	46.561.200	62.081.600
Ông Phan Anh Huy	17.586.000	23.448.000
Bà Bùi Thị Hoa	78.344.400	104.459.200
Ông Phan Đình Tiến	15.177.600	20.236.800
Bà Phan Thị Tình	123.367.200	164.489.600

*\*) Số dư với các bên liên quan*

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Tạm ứng</b>		
Ông Đinh Văn Dũng	37.166.352	22.157.492
Ông Phan Anh Huy	-	49.637.878
Ông Võ Đức Nhân	-	15.000.000

*(\*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:*

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác	3.623.295.440	3.384.253.832

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Thu nhập của thành viên Ban kiểm soát	963.770.330	833.882.722
<b>Cộng</b>	<b>4.587.065.770</b>	<b>4.218.136.554</b>

Chi tiết từng thành viên như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2023</u> <u>VND</u>
<b>Thu nhập của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác</b>			
Ông Lê Hồng Phúc	Chủ tịch HĐQT	685.689.603	616.422.900
Ông Đinh Văn Dũng	Thành viên HĐQT	461.705.013	402.278.071
Ông Nguyễn Đăng Phát	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ ngày 26/4/2023)	-	213.444.250
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	795.119.235	747.833.277
Ông Võ Đức Nhân	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	627.280.713	577.868.974
Ông Phạm Vũ Kỳ	Phó Tổng giám đốc	407.183.109	418.751.900
Ông Nguyễn Hữu Sáng	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 26/4/2023)	367.227.533	207.305.960
Bà Phan Thị Tinh	Quyền Kế toán trưởng (Bổ nhiệm 04/5/2023)	279.090.234	200.348.500
<b>Thu nhập của Ban kiểm soát</b>			
Ông Phan Anh Huy	Trưởng Ban kiểm soát	366.832.250	317.531.250
Bà Bùi Thị Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	266.404.284	247.249.939
Ông Phan Đình Tiến	Thành viên Ban kiểm soát	330.533.796	269.101.533
<b>Cộng</b>		<b>4.587.065.770</b>	<b>4.218.136.554</b>

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Tĩnh, ngày 18 tháng 3 năm 2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH**

Người lập biểu



Nguyễn Hữu Sáng

Quyền Kế toán trưởng



Phan Thị Tinh

Tổng Giám đốc



Lê Quốc Khánh